

Bản án số: 67/2018/HS-ST

Ngày: 15-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhung

2. Bà Lê Thị Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 669/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

1. **Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác: Trắng)**, sinh ngày 11 tháng 01 năm 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: đường BVD, Phường K, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A (chết) và bà Nguyễn Thị B; Có vợ và 02 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014); tiền sự: Không

Tiền án: Ngày 12/7/2004, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 1102/HSST);

Nhân thân: Ngày 16/8/2016, bị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 02 năm về tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ”. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chịu là chung thân (Bản án số 400/2016/HS-PT);

Ngày 16/7/2002, bị Công an Quận H bắt đưa vào trường giáo dưỡng Xuân An, huyện F, tỉnh Đồng Nai với thời gian 12 tháng về hành vi tụ tập đánh bài.

Bị bắt tạm giam ngày 23/6/2014. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Huy Khiêm, tỉnh Bình Thuận (Có mặt).

Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Thu G, sinh năm 1978

2. Ông Ngô Gia E, sinh năm 1980

Cùng trú tại: đường AD, Phường X, Quận Y, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Văn P là bạn bè quen biết nhau. Qua theo dõi, P và T biết được ngôi nhà tại đường AD, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh do chị Nguyễn Thị Thu G làm chủ sở hữu, ban ngày thường không có người trông coi. P và T bàn bạc thống nhất cùng nhau đột nhập vào nhà của chị G để trộm cắp tài sản. Ngày 22/3/2008, P mua 01 chiếc xà beng và 01 kèm cắt sắt cắt giấu sẵn chờ lúc thuận tiện thì thực hiện.

Vào khoảng 11 giờ ngày 24/3/2008, KT đến nhà rủ P đi trộm cắp tài sản, P đồng ý. Sau đó, P điều khiển xe máy biển số 53Z2-1138 chở KT đi tìm T để cùng đi trộm cắp tài sản nhưng không gặp, nên P chở KT đến ngôi nhà trên rồi lấy xà beng và kèm cắt sắt đã giấu sẵn ở bãi rác gần đó để leo lên bức tường phía sau nhà đục phá rào sắt đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản. Trong lúc đó, T cũng rủ I đi trộm cắp tài sản, T điều khiển xe máy biển số 53X2-8467 chở I đi tìm P nhưng không gặp nên T chở I đến nhà của chị G để trộm cắp tài sản. Tới nơi, cả hai thấy P và KT đang dùng búa, xà beng đục phá cửa sắt lỗ thông gió phía sau ngôi nhà. T liền kêu KT, P xuống, T leo lên dùng búa đập bung cửa sắt lỗ thông gió và chui vào đi đến phòng ngủ lầu 1 của căn nhà thì thấy có một két sắt hiệu EPOCH. Sau đó, T chui ra ngoài kêu KT, P chui vào theo lỗ của T lấy trộm két sắt, còn T và I đứng bên ngoài giữ xe. KT, P chui vào lấy trộm két sắt khiêng lên sân thượng và đẩy két sắt rơi xuống bãi đất trống bên hông phải căn nhà. Sau đó, cả nhóm lấy tấm nylon trùm lên két sắt và thay phiên nhau chở két sắt đến nhà của Trần Thị Kim D tại đường HD HD, Phường K, Quận H để đục phá. Biết chiếc két sắt là do P, T, KT, I trộm cắp được nhưng vì nể nang và được hứa cho tiền nên D đồng ý cho cả bọn khiêng két sắt vào nhà đục phá. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, cả bọn phá bung được két sắt thì thấy bên trong có chứa nhiều giấy tờ, tiền, vàng, tài sản. Khi KT vừa lấy được 2.000.000 đồng trong két sắt thì công an K, Quận H đến kiểm tra phát hiện nên cả bọn leo lên nóc nhà bỏ trốn, Công an truy đuổi khoảng 30 m thì bắt được P cùng vật chứng gồm: két sắt cùng các giấy tờ. Riêng T, KT, I chạy thoát ra ngoài một đoạn thì KT nói với T và I lấy trộm được số tiền trên mang đi đổi rồi chia cho KT và I mỗi người 600.000 đồng,

còn lại 800.000 đồng, T dùng tiêu xài cá nhân hết. Sau đó KT, I bị bắt giữ. Riêng T bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã có lệnh truy nã số 07 ngày 03/10/2008.

Qua kết luận giám định, xác định số vàng kim loại đã thu giữ bên trong kết sắt có giá trị là: 6.630.000 đồng, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng xác định chiếc kết sắt hiệu EPOCH có giá trị 3.150.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 9.780.000 đồng.

Ngày 27/3/2009, Tòa án nhân dân Quận Đ đưa vụ án trên ra xét xử sơ thẩm theo Bản án số 35/2009/HSST đối với P, KT, I về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự, Trần Thị Kim D về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Ngày 12/11/2009, Thanh bị Công an quận GV bắt về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy và chuyển giao cho PC47 Công an Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý điều tra. Ngày 13/11/2009, lợi dụng sơ hở của cán bộ điều tra trong quá trình giam giữ, T đã bỏ trốn. Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC47) ra quyết định khởi tố bị can và Quyết định truy nã số 868-60 ngày 05/12/2009 đối với Thanh về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 23/6/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã bắt được T.

Ngày 05/12/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận Đ phục hồi điều tra vụ án, phục hồi điều tra bị can đối với Nguyễn Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản”.

Quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu.

Vật chứng vụ án và phần dân sự: Đã được giải quyết theo Bản án số 35/2009/HSST ngày 27/3/2009 của Tòa án nhân dân Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị hại là bà Nguyễn Thị Thu G và ông Ngô Gia E không yêu cầu bồi thường.

Tại Bản cáo trạng số 410/CT-VKS- P2 ngày 27/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội và đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo T từ 03 đến 04 năm tù;

Vật chứng vụ án và phần dân sự đã được xử lý theo Bản án số 35/2009/HSST ngày 27/3/2009 của Tòa án nhân dân Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh nên không xem xét.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Nguyễn Ngọc T thừa nhận hành vi phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đánh giá hành vi của bị cáo:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi lén lút trộm tài sản của người khác. Trước khi thực hiện, bị cáo cùng những người khác đã bàn bạc, lên kế hoạch thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Hành vi của bị cáo T nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương, bị cáo đã nhiều lần phạm tội nhưng không rút ra được bài học mà còn tiếp tục phạm tội. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Bị cáo có 01 tiền án về tội “Cướp giật tài sản”, chưa được xóa án tích nhưng không chịu ăn năn hối cải mà tiếp tục phạm tội mới, thuộc trường hợp tái phạm. Do đó, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra và phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự đã được xử lý theo Bản án số 35/2009/HSST ngày 27/3/2009 của Tòa án nhân dân Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tổng hợp hình phạt: Ngày 16/8/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Trốn khỏi nơi giam giữ”. Do đó, áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt với bản án nêu trên, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt tù chung thân của Bản án số 400/2016/HS-PT ngày 16/8/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2014.

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo Nguyễn Ngọc T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- Cục THA DS Tp.HCM; (1)
- Sở Tư pháp Tp.HCM; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (2)
- THA HS; (2)
- Phòng PC 53 - CA TP.HCM; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (20) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Bình